**Phụ lục I**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQP ngày / /2023 của Bộ Quốc phòng)*

| **STT** | **Tên văn bản** | **Số hiệu** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| [ 1 ] | [ 2 ] | [ 3 ] | [ 4 ] |
|  | **Tổng cộng** |  |  |
| **I** | **Văn bản chủ trương của Đảng và các văn bản liên quan** |  |  |
| 1 | Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị khóa X … | 28-NQ/TW; 22/9/2008 |  |
| 2 | Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 03/10/2011 của Ban Bí thư khoá XI về tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới | 07-CT/TW; 03/10/2011 |  |
| 3 | Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới | [28-NQ/TW; 25/10/20](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\NQ_48_NQTW_2005.pdf)13 |  |
| 4 | Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược Quốc phòng Việt Nam | 24-NQ/TW;  16/4/2018 |  |
| 5 | Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt nam trong giai đoạn mới | 27-NQ/TW;  09/11/2022 |  |
| 6 | Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia | 30-NQ/TW;  25/7/2018 |  |
| 7 | Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia | 51-NQ/TW;  05/9/2019 |  |
| 8 | Kết luận số 31-KL/TW ngày 16/4/2018 về Chiến lược quân sự Việt Nam | 31-KL/TW; 16/4/2018 |  |
| 9 | Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018, Bộ Chính trị khóa XII về Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia | 33-NQ/TW; 28/9/2018 |  |
| 10 | Kết luận số 64-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị Khóa XII về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới | 64-KL/TW; 30/10/2019 |  |
| 11 | Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng |  |  |
| **II** | **Các Văn bản Quy phạm pháp luật có liên quan** |  |  |
| **II.1** | **Các văn bản pháp luật khung** |  |  |
| 1 | Hiến pháp 2013 | [Hiến pháp](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Hien%20phap%202013_Thai.pdf) |  |
| 2 | Luật Quốc phòng năm 2018 | [22/2018/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat_QP_So_22.2018.QH14_Thai.docx) | Luật |
| 3 | Luật Dân quân tự vệ năm 2019 | [37/2018/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat_QP_So_22.2018.QH14_Thai.docx) | Luật |
| 4 | Luật Lực lượng dự bị động viên 2019 | [53/2019/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat%20du%20bi%20dong%20vien_53.2019.QH14.pdf) | Luật |
| 5 | Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 06/VBHN-VPQH;  15/7/2020 | Luật |
| **II.2** | **Các quy định trực tiếp về phòng không nhân dân** |  |  |
| 1 | Nghị định 74/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về phòng không nhân dân | 74/2015/NĐ-CP  09/9/2015 | Nghị định |
| 2 | Nghị định 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ. | 36/2008/NĐ-CP  28/3/2008 | Nghị định |
| 3 | Nghị định 79/2011/NĐ-CPngày 05 tháng 09 năm 2011 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ và nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ. | 79/2011/NĐ-CP  28/5/2011 | Nghị định |
| **II.3** | **Các quy định về xây dựng lực lượng** |  |  |
| 1 | Luật Tổ chức chính phủ năm 2015 ngày 19/6/2015 | 76/2015/QH13 | Luật |
| 2 | Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; | 47/2019/QH14 | Luật |
| 3 | [Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/](file:///\\192.170.110.1\Phong%20QLSX\5.%20Soạn%20thảo%20Thông%20tư%20mới%20thay%20thế%20Thông%20tư%20132\1.%20VBPL%20liên%20quan%20làm%20căn%20cứ%20xây%20dựng%20TT\2.%20Luật%20Quốc%20phòng%202018%20và%20Nghị%20định,%20TT%20dưới%20Luật\164.2017.NĐ.CP%20qđ%20về%20chức%20năng,%20nhiệm%20vụ%20của%20Bộ%20Quốc%20phòng.pdf)11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng | [01/2022/NĐ-CP; 30/](file:///\\192.170.110.1\Phong%20QLSX\5.%20Soạn%20thảo%20Thông%20tư%20mới%20thay%20thế%20Thông%20tư%20132\1.%20VBPL%20liên%20quan%20làm%20căn%20cứ%20xây%20dựng%20TT\2.%20Luật%20Quốc%20phòng%202018%20và%20Nghị%20định,%20TT%20dưới%20Luật\164.2017.NĐ.CP%20qđ%20về%20chức%20năng,%20nhiệm%20vụ%20của%20Bộ%20Quốc%20phòng.pdf)11/2022 | Nghị định |
| 4 | Nghị định số 93/2015/NĐ-CP ngày 15/10/2015 của Chính phủ về tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh | 93/2015/NĐ-CP;  15/10/2015 | Nghị định |
| 5 | Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp | 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 | Nghị định |
| **II.4** | **Các quy định về huy động lực lượng PKND** |  |  |
| 1 | Hiến pháp 2013 | [Hiến pháp](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Hien%20phap%202013_Thai.pdf) |  |
| 2 | Luật Quốc phòng năm 2018 | [22/2018/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat_QP_So_22.2018.QH14_Thai.docx) | Luật |
| 3 | Luật Dân quân tự vệ năm 2019 | [37/2018/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat_QP_So_22.2018.QH14_Thai.docx) | Luật |
| 4 | Luật Lực lượng dự bị động viên 2019 | [53/2019/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat%20du%20bi%20dong%20vien_53.2019.QH14.pdf) | Luật |
| 5 | Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản 2008 | 15/2008/QH12 | Luật |
| 6 | Luật Doanh nghiệp 2020 | 59/2020/QH14 | Luật |
| 7 | Luật Quản lý, sử dụng tải sản công năm 2017 | 15/2017/QH14;  21/6/2017 | Luật |
| 8 | Luật Dự trữ quốc gia 2012 | 22/2012/QH13 | Luật |
| 9 | Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia (Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BTC ngày 20/02/2017) | 03/VBHN-BTC; 20/02/2017 | Nghị định |
| **II.5** | **Các quy định về xây dựng công trình PKND** |  |  |
| 1 | Luật Xây dựng (Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 02/VBHN-VPQH; 15/7/2020 | Luật |
| 2 | Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (*Điều 58* *đầu tư công trình khẩn cấp*) | 15/2021/NĐ-CP; 03/3/2021 | Nghị định |
| 3 | Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng | 10/2021/NĐ-CP; 09/02/2021 | Nghị định |
| 4 | Luật Đất đai năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 | [21/VBHN-VPQH;](file:///C:\D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat%20dat%20dai%202019-VBHN-VPQH%201.pdf)  10/12/2018 | Luật |
| 5 | Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai | 43/2014/NĐ-CP; 15/5/2014 | Nghị định |
| 6 | Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai | 148/2020/NĐ-CP; 18/12/2020 | Nghị định |
| 7 | Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai | 10/2023/NĐ-CP; 03/4/2023 | Nghị định |
| 8 | Nghị Quyết 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn động trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế | 132/2020/QH14; 17/11/2020 | Nghị quyết |
| 9 | Nghị định 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế | 26/2021/NĐ-CP;  25/3/2021 | Nghị định |
| 10 | Luật Đấu thầu năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2017, 2019, 2020, 2022 (Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-VPQH ngày 25/01/202) | 17/VBHN-VPQH; 15/7/2020 | Luật |
| 11 | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu | 63/2014/NĐ-CP; 26/6/2014 | Nghị định |
| 12 | Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 06/VBHN-VPQH;  15/7/2020 | Luật |
| 13 | Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước | 163/2016/NĐ-CP;  21/12/2016 | Nghị định |
| 14 | Luật Đầu tư công năm 2019, sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022 (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-VPQH ngày 25/01/2022) | 01/VBHN-VPQH;  25/01/2022 | Luật |
| 15 | Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công | 40/2020/NĐ-CP;  06/4/2020 | Nghị định |
| 16 | Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư | 31/2021/NĐ-CP; 26/3/2021 | Nghị định |
| 17 | Pháp lệnh số 32-L/CTN ngày 19/5/1994 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. | 32-L/CTN; 19/5/1994 | Pháp lệnh |
| 18 | Luật Bảo vệ bí mật nhà nước | 29/2018/QH14; 15/11/2018 | Luật |
| 19 | Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước | 26/2020/NĐ-CP; 28/02/2020 | Nghị định |
| 20 | Luật Quy hoạch năm 2017 | 21/2017/QH14;  24/11/2017 | Luật |
| 21 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch | 35/2018/QH14  20/11/2018 | Luật |
| 22 | Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến Quy hoạch | 01/2018/UBTVQH14; 22/12/2018 | Pháp lệnh |
| 23 | Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch | 751/2019/UBTVQH14; 16/8/2019 | Nghị quyết |
| 24 | Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. | 37/2019/NĐ-CP; 07/5/2019 | Nghị định |
| **II.6** | **Các quy định về quản lý tàu bay không người lái, các phương tiện bay siêu nhẹ và bảo đảm an toàn phòng không** |  |  |
| 1 | Luật Hàng không dân dụng Việt Nam 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2014. (Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-VPQH ngày 11/12/2014) | 09/VBHN-VPQH; 11/12/2014 | Luật |
| 2 | Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ. | 36/2008/NĐ-CP; 28/3/2008 | Nghị định |
| 3 | Nghị định số 79/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/9/2011: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ. | 79/2011/NĐ-CP  05/9/2011 | Nghị định |
| 4 | Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không. | 92/2015/NĐ-CP; 13/10/2015 | Nghị định |
| 5 | Nghị định số 93/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ về bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không. | 93/2022/NĐ-CP; 07/11/2022 | Nghị định |
| 6 | Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2022 (Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-VPQH ngày 08/7/2022) | 13/VBHN-VPQH;  08/7/2022 | Luật |
| 7 | Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động Khoa học và công nghệ | 95/2014/NĐ-CP;  17/10/2014 | Nghị định |
| 8 | Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009, sửa đổi bổ sung năm 2022 (Văn bản hợp nhất số: 27/VBHN-VPQH ngày 29/12/2022) | 27/VBHN-VPQH; 29/12/2022 | Luật |
| 9 | Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử. | 15/2020/NĐ-CP; 03/02/2020 | Nghị định |
| 10 | **Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017** | 14/2017/QH14 | Luật |
| 11 | **Nghị định 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ** | **71/2018/NĐ-CP;**  **15/5/2018** | Nghị định |
| 12 | **Nghị định 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ** | **79/2018/NĐ-CP; 16/5/2018** | Nghị định |
| 13 | **Nghị định 101/2022/NĐ-CP ngày 08/12/2022 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh** | **101/2022/NĐ-CP; 08/12/2022** | Nghị định |
| 14 | Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay | 125/2015/NĐ-CP; 04/12/2015 | Nghị định |
| 15 | Quyết định số 18/2020/QĐ-TTg ngày 10/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ. | 18/2020/QĐ-TTg ;10/6/2020 | Quyết định |
| 16 | Luật Biên phòng 2020 | [66/2020/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat%20bien%20phong_66.2020.QH14.pdf) | Luật |
| 17 | Pháp lệnh số 32-L/CTN ngày 19/5/1994 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. | 32-L/CTN; 19/5/1994 | Pháp lệnh |
| **II.7** | **Các quy định về quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công dân** |  |  |
| 1 | Hiến pháp 2013 | [Hiến pháp](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Hien%20phap%202013_Thai.pdf) |  |
| 2 | Luật Quốc phòng năm 2018 | [22/2018/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat_QP_So_22.2018.QH14_Thai.docx) | Luật |
| **II.8** | **Các quy định về nguồn lực, chế độ, chính sách, trang bị PKND** |  |  |
| 1 | Luật Quốc phòng năm 2018 | [22/2018/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat_QP_So_22.2018.QH14_Thai.docx) | Luật |
| 2 | Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 06/VBHN-VPQH;  15/7/2020 | Luật |
| 3 | Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước | 163/2016/NĐ-CP;  21/12/2016 | Nghị định |
| 4 | Luật Giá năm 2012 | 11/2012/QH13 | Luật |
| 5 | Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | 177/2013/NĐ-CP; 14/11/2013 | Nghị định |
| 6 | Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | 149/2016/NĐ-CP; 11/11/2016 | Nghị định |
| 7 | Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá | 89/2013/NĐ-CP; 06/08/2013 | Nghị định |
| 8 | Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang | 204/2004/NĐ-CP; 14/12/2004 | Nghị định |
| 9 | Nghị định 19/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương của công nhân quốc phòng và chế độ phụ cấp thâm niên đối với viên chức quốc phòng | 19/2017/NĐ-CP;  24/02/2017 | Nghị định |
| 10 | Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên | 32/2019/NĐ-CP; 10/4/2019 | Nghị định |
| **II.9** | **Các văn bản liên quan đến hoạt động phòng không nhân dân** |  |  |
| 1 | Luật tổ chức Quốc hội (Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 24/VBHN-VPQH;  15/7/2020 | Luật |
| 2 | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 23/VBHN-VPQH;  15/7/2020 | Luật |
| 3 | Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 34/2016/NĐ-CP; 14/5/2016 | Nghị định |
| 4 | Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 154/2020/NĐ-CP; 31/12/2020 | Nghị định |
| 5 | Luật An ninh quốc gia 2004 | 32/2004/QH11 | Luật |
| 6 | Luật Dân quân tự vệ năm 2019 | [48/2019/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat%20Dan%20quan%20tu%20ve_48.2019.QH14.pdf) | Luật |
| 7 | Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ | 72/2020/NĐ-CP; 30/6/2020 | Nghị định |
| 8 | Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức Quốc phòng năm 2015 | [98/2015/QH13](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat%20QNCN_Vien%20chuc%20Quoc%20phong_98.2015.QH13.pdf) | Luật |
| 9 | Luật Lực lượng dự bị động viên 2019 | [53/2019/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat%20du%20bi%20dong%20vien_53.2019.QH14.pdf) | Luật |
| 10 | Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên | 79/2020/NĐ-CP; 08/7/2020 | Nghị định |
| 11 | Luật Biên phòng 2020 | [66/2020/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat%20bien%20phong_66.2020.QH14.pdf) | Luật |
| 12 | Nghị định số 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam | 106/2021/NĐ-CP; 06/12/2021 | Nghị định |
| 13 | Luật Cảnh sát biển 2018 | [33/2018/QH14](file:///D:\ThaiCHCN\Tai%20lieu%20van%20ban\Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN\Luat%20bien%20phong_66.2020.QH14.pdf) | Luật |
| 14 | Nghị định số 61/2019/NĐ-CP ngày 10/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cảnh sát biển Việt Nam | 61/2019/NĐ-CP; 10/7/2019 | Nghị định |
| 15 | Luật Bảo vệ bí mật nhà nước | 29/2018/QH14; 15/11/2018 | Luật |
| 16 | Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước | 26/2020/NĐ-CP; 28/02/2020 | Nghị định |
| 17 | Luật Bảo vệ môi trường | 72/2020/QH14; 17/11/2020 | Luật |
| 18 | Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường | 08/2022/NĐ-CP; 10/01/2022 | Nghị định |
| 19 | Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt bi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu | 120/2013/NĐ-CP; 09/10/2013 | Nghị định |
| 20 | Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt bi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 37/2022/NĐ-CP; 06/6/2022 | Nghị định |
| 21 | Pháp lệnh số 32-L/CTN ngày 19/5/1994 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. | 32-L/CTN; 19/5/1994 | Pháp lệnh |
| 22 | Luật Công an nhân dân năm 2018 | 37/2018/QH14  20/11/2018 | Luật |
| 23 | Nghị định số 49/2019/NĐ-CP ngày 06/6/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân | 49/2019/NĐ-CP; 06/6/2019 | Nghị định |
| 24 | Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019) | 24/VBHN-VPQH; 16/12/2019 | Luật |
| 25 | Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng | 98/2015/QH13; 26/11/2015 | Luật |
| 26 | Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22/02/2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyên ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng | 19/2022/NĐ-CP; 22/02/2022 | Nghị định |
| 27 | Luật Quản lý ngoại thương | 05/2017/QH14; 12/6/2017 | Luật |
| 28 | Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương | 69/2018/NĐ-CP; 15/5/2018 | Nghị định |
| 29 | Luật Điều ước quốc tế | 108/2016/QH13; 09/4/2016 | Luật |
| 30 | Luật Luật thỏa thuận quốc tế | 70/2020/QH14; 13/11/2020 | Luật |
| 31 | Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Tổng cục, cục thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức | 64/2021/NĐ-CP; 30/6/2021 | Nghị định |
| 33 | Luật thi đua khen thưởng | 06/2022/QH15; 15/6/2022 | Luật |
| 34 | Luật Giá năm 2012 | 11/2012/QH13 | Luật |
| 35 | Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | 177/2013/NĐ-CP; 14/11/2013 | Nghị định |
| 36 | Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | 149/2016/NĐ-CP; 11/11/2016 | Nghị định |
| 37 | Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá | 89/2013/NĐ-CP; 06/08/2013 | Nghị định |
| 38 | Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2022 (Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-VPQH ngày 08/7/2022) | 13/VBHN-VPQH;  08/7/2022 | Luật |
| 39 | Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động Khoa học và công nghệ | 95/2014/NĐ-CP;  17/10/2014 | Nghị định |
| 40 | Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ | 08/2014/NĐ-CP;  27/01/2014 | Nghị định |
| 41 | Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/05/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ | 40/2014/NĐ-CP; 12/05/2014 | Nghị định |
| 42 | Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi, bổ sung 2013, 2019, 2022 | 11/VBHN-VPQH, 08/7/2022 | Luật |
| 43 | Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về Quyền tác giả và quyền liên quan | 22/2018/NĐ-CP;  23/02/2018 | Nghị định |
| 44 | Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp | 103/2006/NĐ-CP;  22/9/2006 | Nghị định |
| 45 | Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ | 105/2006/NĐ-CP;  22/9/2006 | Nghị định |
| 46 | Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ | 119/2010/NĐ-CP;  30/12/2010 | Nghị định |
| 47 | Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 | 07/2017/QH14 | Luật |
| 48 | Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ | 76/2018/NĐ-CP; 15/5/2018 | Nghị định |
| 49 | Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ | 13/2019/NĐ-CP; 01/02/2019 | Nghị định |
| 50 | Nghị định số 92/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở huấn luyện dự bị động viên cấp tỉnh. | 92/2020/NĐ-CP; 18/8/2020 | Nghị định |
| 51 | Luật Giáo dục quốc phòng an ninh, sửa đổi bổ sung năm 2018 | 39/VBHN-VPQH  10/12/2018 | Luật |
| 52 | Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020 (Nghị định 139/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ). | 01/VBHN-BQP  08/02/2021 | Nghị định |
| 53+ | Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 05/06/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam. | 32/2016/NĐ-CP ngày 05/06/2016 | Nghị địn |